

BÁO CÁO TÓM TẮT

Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 quận Nam Từ Liêm
(Kèm theo Thông báo số 483/TB-UBND ngày 03/10/2016
của UBND quận Nam Từ Liêm)

Thực hiện thông báo số 200/TB-UBND ngày 24/6/2016 của UBND Thành phố thông báo kết luận của Chủ tịch UBND Thành phố: trong đó UBND các quận, huyện, thị xã rà soát, tổng hợp xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2017; Thực hiện công văn số 6971/STNMT-QHKHSDĐ ngày 20/7/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc hướng dẫn lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2017; Danh mục thu hồi đất, danh mục chuyển đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2017 cấp huyện. Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND quận về kết quả lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 quận Nam Từ Liêm như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Ngày 01/8/2016, UBND quận Nam Từ Liêm ban hành Công văn số 1273/UBND-TNMT về việc triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 quận Nam Từ Liêm;

- Ngày 01/8/2016, UBND quận Nam Từ Liêm ban hành Thông báo số 374/TB-UBND về việc đăng ký của các đơn vị, tổ chức và cá nhân có nhu cầu sử dụng đất năm 2017, phục vụ lập kế hoạch sử dụng đất năm 2017 trên địa bàn quận có văn bản đăng ký gửi UBND quận Nam Từ Liêm để cập nhật;

- Trong thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã nhận được Hồ sơ đăng ký nhu cầu sử dụng đất của Ban quản lý dự án quận Nam Từ Liêm; Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận; Chi nhánh phát triển quỹ đất Nam Từ Liêm; văn bản đăng ký kế hoạch sử dụng đất của 10 phường và văn bản đăng ký của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân có nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn quận;

- Ngày 13/9/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp các phòng ban ngành quận và đơn vị tư vấn rà soát đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2016 và xây dựng danh mục công trình, dự án sử dụng đất năm 2017 quận Nam Từ Liêm;

- Ngày 23/9/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có buổi rà soát với UBND quận Nam Từ Liêm về các công trình dự án dự kiến nằm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 quận Nam Từ Liêm.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2016

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 quận Nam Từ Liêm được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 quận Nam Từ Liêm

bao gồm 117 dự án. Ngày 20/9/2016, UBND thành phố có quyết định 5124/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 quận Nam Từ Liêm bổ sung 13 dự án và đưa ra khỏi Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 là 08 dự án.

Tổng số công trình dự án danh mục trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 quận Nam Từ Liêm là 122 dự án, kết quả thực hiện như sau:

2.1. Số công trình đã tổ chức triển khai thực hiện trong năm 2016: là 104 dự án (đạt 85,24%); Diện tích 656,40 ha (đạt 95,58%) so với kế hoạch. Trong đó:

+ Dự án đã có quyết định giao đất của UBND thành phố 21 dự án, diện tích 25,1 ha;

+ Dự án dự kiến hoàn thành đến 31/12/2016 là 17 dự án, diện tích 63,11 ha;

+ Dự án đang triển khai GPMB là 66 dự án, diện tích 568,18 ha.

2.2. Số công trình, dự án chưa thực hiện giải phóng mặt bằng trong năm 2016: là 13 dự án (đạt tỷ lệ 10,65%); diện tích 26,53 ha (đạt tỷ lệ 3,86%), bao gồm:

+ Dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách quận 06 dự án;

+ Dự án sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách 07 dự án.

2.3. Số công trình, dự án không thực hiện đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất: là 05 dự án (đạt tỷ lệ 4,09%); diện tích 3,81 ha (đạt tỷ lệ 0,55%) kế hoạch, trong đó:

+ Dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, thành phố 01 dự án;

+ Dự án sử dụng vốn ngân sách quận 02 dự án;

+ Dự án nguồn vốn ngoài ngân sách 02 dự án.

** Đánh giá kết quả thực hiện; tồn tại và nguyên nhân*

Kết quả thực hiện trong năm 2016 đối với các công trình thực tế đã triển khai là 104 dự án đạt 85,24% so với kế hoạch được duyệt. Tuy nhiên, tỷ lệ thu hồi đất còn thấp do một số dự án có quy mô lớn GPMB theo giai đoạn do vậy chỉ tiêu về thu hồi đất trong năm 2016 chưa đạt như dự án Trung tâm thể thao quân đội Bộ quốc phòng (diện tích thu hồi 19,77ha đã phê duyệt phương án đền bù được 11,53ha tỷ lệ thu hồi 58.3%)...

Một phần nguyên nhân do công tác giải phóng mặt bằng có sự thay đổi cơ chế chính sách dẫn tới các dự án chuyển tiếp gặp khó khăn trong việc thu hồi đất. Ngoài ra việc điều chỉnh chủ đầu tư của một số dự án lớn như dự án Đầu tư, xây dựng khu đô thị mới Tây Mỗ - Đại Mỗ (Vinaconex Vietel) cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của dự án. Các dự án đan xen giữa dự án nhà nước thu hồi đất và dự án thỏa thuận dẫn đến chênh lệch về giá đền bù.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017

3.1. Danh mục các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất 2017

Trên cơ sở danh mục công trình sử dụng đất năm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 quận Nam Từ Liêm đang thực hiện Giải phóng mặt bằng, thu hồi đất chuyển tiếp sang thực hiện năm 2017; Hồ sơ đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2017 của các đơn vị, tổ chức có nhu cầu.

Tổng số công trình dự án đăng ký sử dụng đất trong năm 2017 trên địa bàn quận là 131 dự án. Qua rà soát tổng số công trình dự án đủ điều kiện đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 quận Nam Từ Liêm là 118 dự án. Loại 13 dự án khỏi danh mục bao gồm 05 dự án nằm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 nhưng không liên hệ giải phóng mặt bằng, 08 dự án mới đăng ký nhưng không đủ điều kiện triển khai trong năm 2017. Cụ thể như sau:

4.1. Dự án đã cắm mốc giới, đang thực hiện giải phóng mặt bằng trong năm 2016 tiếp tục đưa sang thực hiện năm 2017 là 66 dự án;

4.2 Dự án chưa triển khai thực hiện trong năm 2016 (hiện đã hoàn thiện các thủ tục chuyển sang năm 2017) là 13 dự án bao gồm:

+ 06 dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách quận, gồm có 05 dự án đang xin giao mốc để thực hiện giải phóng mặt bằng; 01 dự án đang hoàn thiện ranh giới tổng mặt bằng;

+ 07 dự án sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách, gồm có 05 dự án chuyển mục đích sử dụng đất không phải giải phóng mặt bằng; 02 dự án đang hoàn thiện hồ sơ, xin gia hạn giấy chứng nhận đầu tư hoặc kêu gọi đầu tư.

4.3. Dự án đăng ký mới năm 2017

Dự án đăng ký mới triển khai trong năm 2017 quận Nam Từ Liêm là 39 dự án, bao gồm:

+ Dự án đã có quyết định thu hồi đất của UBND thành phố nhưng vẫn đang thực hiện công tác GPMB cập nhật ko thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất là 16 dự án.

+ Dự án đăng ký mới thực hiện năm 2017 là 23 dự án với diện tích sử dụng đất là 36,06 ha.

3.2. Chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất 2017

3.2.1. Chỉ tiêu phân bổ diện tích các loại đất

Đơn vị tính: ha

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Mã | Tổng diện tích |
|----------|--------------------------------|------------|-----------------|
| | TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN | | 3.219,27 |
| 1 | Đất nông nghiệp | NNP | 487,06 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 5,38 |

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Mã | Tổng diện tích |
|----------|------------------------------------------------------------------|------------|-----------------|
| | <i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i> | LUC | 5,38 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 344,00 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 72,28 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | - |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD | - |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | - |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | 59,99 |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU | - |
| 1.9 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 5,40 |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | PNN | 2.732,21 |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 163,16 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 40,18 |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK | - |
| 2.4 | Đất khu chế xuất | SKT | - |
| 2.5 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 17,50 |
| 2.6 | Đất thương mại dịch vụ | TMD | 223,15 |
| 2.7 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 65,19 |
| 2.8 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS | - |
| 2.9 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 1.027,10 |
| 2.10 | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | DDT | 0,88 |
| 2.11 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL | - |
| 2.12 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | 5,01 |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | - |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT | 848,09 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 57,61 |
| 2.16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 1,82 |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG | - |
| 2.18 | Đất cơ sở tôn giáo | TON | 12,62 |
| 2.19 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | NTD | 48,17 |
| 2.20 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng là đồ gốm | SKX | 0,35 |
| 2.21 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 1,19 |
| 2.22 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 54,04 |
| 2.23 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 9,76 |
| 2.24 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 49,66 |
| 2.25 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 54,29 |
| 2.26 | Đất công trình công cộng khác | DCK | - |
| 2.27 | Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác | DSK | 18,47 |
| 2.26 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 33,95 |
| 3 | Đất chưa sử dụng | CSD | - |

3.2.2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2017

Đơn vị tính: ha

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Mã | Tổng diện tích |
|----------|------------------------------------------------------------------|------------|----------------|
| 1 | Đất nông nghiệp | NNP | 449,46 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 156,50 |
| | <i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i> | <i>LUC</i> | <i>156,50</i> |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 284,91 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 7,89 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | - |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD | - |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | - |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | 0,16 |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU | - |
| 1.9 | Đất nông nghiệp khác | NKH | - |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | PNN | 8,88 |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | - |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | - |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK | - |
| 2.4 | Đất khu chế xuất | SKT | - |
| 2.5 | Đất cụm công nghiệp | SKN | - |
| 2.6 | Đất thương mại dịch vụ | TMD | - |
| 2.7 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 3,09 |
| 2.8 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS | - |
| 2.9 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 2,26 |
| 2.10 | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | DDT | - |
| 2.11 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL | - |
| 2.12 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | - |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | - |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT | 3,53 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | - |
| 2.16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | - |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG | - |
| 2.18 | Đất cơ sở tôn giáo | TON | - |
| 2.19 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa | NTD | - |
| 2.20 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng | SKX | - |
| 2.21 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | - |
| 2.22 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | - |
| 2.23 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | - |
| 2.24 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | - |
| 2.25 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | - |
| 2.26 | Đất công trình công cộng khác | DCK | - |
| 2.27 | Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác | DSK | - |
| 2.28 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | - |

3.2.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017

Đơn vị tính: ha

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Mã | Tổng diện tích |
|----------|-------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| 1 | Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp | NNP/PNN | 449,46 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA/PNN | 156,50 |
| | <i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i> | <i>LUC/PNN</i> | <i>156,50</i> |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK/PNN | 284,91 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN/PNN | 7,89 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH/PNN | - |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD/PNN | - |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX/PNN | - |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS/PNN | 0,16 |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU/PNN | - |
| 1.9 | Đất nông nghiệp khác | NKH/PNN | - |
| 2 | Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp | | 3,59 |
| | <i>Trong đó:</i> | | <i>-</i> |
| 2.1 | Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm | LUA/CLN | - |
| 2.2 | Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng | LUA/LNP | - |
| 2.3 | Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản | LUA/NTS | - |
| 2.4 | Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối | LUA/LMU | - |
| 2.5 | Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản | HNK/NTS | - |
| 2.6 | Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối | HNK/LMU | - |
| 2.7 | Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng | RPH/NKR(a) | - |
| 2.8 | Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng | RDD/NKR(a) | - |
| 2.9 | Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng | RSX/NKR(a) | - |
| 2.10 | Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở | PKO/OCT | 3,59 |

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của quận (đã được UBND thành phố phê duyệt) theo quy định của luật đất đai, để nhân dân, các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức xã hội được biết và tham gia thực hiện.

- Tổ chức tốt việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất từ cấp quận đến các phường; phân rõ chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đến từng phường và các ngành để tổ chức thực hiện.

- Kiên quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tổ chức tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Chủ động tích cực phối hợp với các đơn vị GPMB đảm bảo tiến độ và kịp thời báo cáo UBND thành phố xin cơ chế chính sách đặc thù đối với các dự án trọng điểm.

- Tổ chức tốt việc huy động vốn và các nguồn lực cho việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật về đất đai nói chung và kế hoạch sử dụng đất nói riêng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để người dân nắm vững, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của quận Nam Từ Liêm được xây dựng trên cơ sở khoa học, phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp trên địa bàn. Đồng thời, Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 quận Nam Từ Liêm phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối của Thành phố.